

Số: 120A/QĐ-CTK

Yên Bái, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 118a/TB-CTK ngày 17/02/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Yên Bái về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Yên Bái (theo phụ biểu đính kèm).

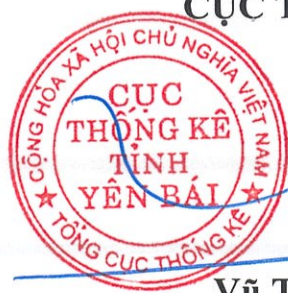
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông bà Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCHC.

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Hà

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5 = 4-3	6
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	11.565.688.082	11.565.688.082	0	11.565.688.082
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.565.688.082	11.565.688.082	0	11.565.688.082
1	Chi quản lý hành chính	11.536.688.082	11.536.688.082	-	11.536.688.082
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.611.000.000	8.611.000.000	-	8.611.000.000
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.925.688.082	2.925.688.082	-	2.925.688.082
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.000.000	29.000.000	-	29.000.000
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29.000.000	29.000.000	-	29.000.000